

Số: 77/2024/QĐST-HNGĐ

P, ngày 04 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị B**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: **Khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang.**

- Bị đơn: Anh **Trần Minh K**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: **Khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/6/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hồ Thị B** và anh **Trần Minh K**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Hồ Thị B** và anh **Trần Minh K** có 02 con chung tên **Trần Mỹ P**, sinh ngày 05/9/2014 và **Trần Minh H**, sinh ngày 20/7/2018. Chị **B** và anh **K** thống nhất giao 02 con chung cho chị **B** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị **B** không yêu cầu, nên anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị **Hồ Thị B** và anh **Trần Minh K** tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị **Hồ Thị B** và anh **Trần Minh K** xác nhận không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thuận tình ly hôn chị **Hồ Thị B** và anh **Trần Minh K** mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí không giá ngạch. Chị **B** tự nguyện nộp thay anh **K** án phí 75.000 đồng, nên chị **B** phải nộp tổng cộng 150.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng chị **B** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000130 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Nên chị **B** được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- CCTHADS thành phố Phú Quốc;
- UBND phường Dương Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Quách Văn Khánh

